

Số: /GPMT-UBND Lai Châu, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 489/CV-NĐ2 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Nậm Đích 2 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Thủy điện Nậm Đích 2 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3636/TTr-STNMT ngày 26 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Nậm Đích 2 (sau đây gọi tắt là chủ dự án), địa chỉ văn phòng tại tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Thủy điện Nậm Đích 2 (sau đây gọi tắt là dự án), thực hiện tại xã Khun Há, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Thủy điện Nậm Đích 2.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Khun Há, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 6200112174, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 8 năm 2022; nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu.

1.4. Mã số thuế: 6200112174.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện (thủy điện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích sử dụng đất của dự án: Theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Nậm Đích 2, diện tích đất dự kiến sử dụng của dự án là 9,22 ha; diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê (tại Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022) là 3,236 ha (các công trình bảo vệ môi trường nằm trong tổng diện tích 3,236 ha, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê).

- Công suất: 9,0MW (02 tổ máy).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ dự án

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và các quy định pháp

luật về bảo vệ môi trường; phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật. Trường hợp các công trình, biện pháp xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn không đảm bảo quy chuẩn, yêu cầu rà soát, điều chỉnh công trình, biện pháp xử lý để đảm bảo xử lý chất thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: **10 năm.**

(từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034)

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật; giao Sở Tài nguyên và Môi trường cử công chức kiểm tra thực tế và tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải xả ra môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần Nậm Đích 2;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tam Đường;
- UBND xã Khun Há, huyện Tam Đường;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VP.UBND tỉnh: V1, V3, CB, HCC;
- Lưu: VT, Kt5, Kt7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND ngày.....tháng...năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải****1.1. Nước thải sinh hoạt**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà máy.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà quản lý vận hành.

1.2. Nước thải sản xuất

- Nguồn số 03: Nước thải rò rỉ có lẫn dầu và nước tháo kiểm tra sửa chữa, nước làm mát tuabin.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Nậm Đích tại bản Sàn Phàng Thấp, xã Khun Há, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải số 01 (tương ứng nguồn thải số 01): Tọa độ vị trí xả nước thải tại kênh xả hạ lưu của nhà máy vào suối Nậm Đích: $X = 2464962$; $Y = 561999$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103^0 , múi chiếu 3^0)

- Dòng nước thải số 02 (tương ứng nguồn thải số 02): Tọa độ vị trí xả nước thải tại suối Nậm Đích: $X = 246473$; $Y = 561992$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103^0 , múi chiếu 3^0)

- Dòng nước thải số 03 (tương ứng nguồn thải số 03): Tọa độ vị trí xả nước thải tại suối Nậm Đích: $X = 2464962$; $Y = 561998$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103^0 , múi chiếu 3^0)

Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10,19 m³/ngày (24 giờ)

- Dòng nước thải số 01: 0,2 m³/ngày (24 giờ)
- Dòng nước thải số 02: 1,8 m³/ngày (24 giờ)
- Dòng nước thải số 03: 8,19 m³/ngày (24 giờ)

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Dòng số 01: Nước thải sau xử lý theo ống thoát nước tự chảy vào kênh xả hạ lưu của nhà máy vào suối Nậm Đích (điểm xả thải số 01).

- Dòng số 02: Nước thải sau xử lý tự chảy theo hệ thống rãnh thoát nước kích thước: Chiều rộng x chiều cao = 0,3m x 0,3m xả ra suối Nậm Đích (điểm xả thải số 02).

- Dòng số 03: Nước thải sau xử lý được bơm ra kênh xả hạ lưu của nhà máy vào suối Nậm Đích (điểm xả thải số 03).

Hình thức xả thải: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

- Dòng nước thải số 01: Xả liên tục 24 giờ/ngày, xả các ngày trong năm.
- Dòng nước thải số 02: Xả liên tục 24 giờ/ngày, xả các ngày trong năm.
- Dòng nước thải số 03: Xả gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải tương ứng, cụ thể như sau:

- Dòng số 01 và dòng số 02: Đảm bảo đúng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B với hệ số K = 1,2).

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Amoni (NH ₄ ⁺)(tính theo N)	mg/l	12		
6	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		

8	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	60		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000		

- Dòng số 03: Đảm bảo đúng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$), trong đó cần lưu ý đối với các thông số sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Không quy định bắt buộc thực hiện	Không quy định bắt buộc thực hiện
2	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108		
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	54		
5	COD	mg/l	162		
6	Amoni (NH_4^+)(tính theo N)	mg/l	10,8		
7	Sunfua	mg/l	0,54		
8	Sắt (Fe)	mg/l	5,4		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
10	Coliforms	MNP/ 100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó được bơm vào bể xử lý sinh học thông qua các ống nhựa PVC để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nguồn số 02:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó chảy vào bể xử lý sinh học bằng các ống PVC.

+ Nước thải từ nấu nướng, tắm giặt chảy trực tiếp vào bể xử lý sinh học bằng hệ thống rãnh thu gom có kích thước: chiều rộng x chiều cao = 0,3mx0,3m.

- Nguồn số 03: Nước rò rỉ từ các gian máy và đường ống, từ khu sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, nước rò rỉ từ hệ thống làm mát tuabin theo các đường ống thép mạ kẽm dẫn vào bể thu gom nước rò rỉ của hệ thống tách dầu mỡ của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

1.2.1.1. Bể tự hoại 03 ngăn

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn (ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc) → bể xử lý sinh học.

- Số lượng: 02 bể (tại nhà máy thủy điện và khu nhà quản lý vận hành).

- Dung tích: 25 m³/bể.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

1.2.1.2. Bể sinh học

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ → bể xử lý sinh học 02 ngăn (ngăn xử lý sinh học → ngăn khử trùng) → nguồn tiếp nhận.

- Số lượng: 02 bể (tại nhà máy thủy điện và khu nhà quản lý vận hành).

- Dung tích: 10m³/bể.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen; thực vật thủy sinh.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhiễm dầu → bể chứa nước rò rỉ lẫn dầu (ngăn thứ 01 → lớp dầu được bơm vào téc chứa còn lại nước → qua tấm lọc dầu → ngăn thứ 02) → bơm xả ra kênh xả hạ lưu nhà máy → nguồn tiếp nhận.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Dung tích cả hệ thống: 12m³.

- Vật liệu, công cụ sử dụng: Bơm nước thải, bơm dầu thải, tấm lọc dầu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế; kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc vận hành của các bể, hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà máy.
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà quản lý vận hành.
- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại khu nhà máy.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải sinh hoạt: Tại điểm xả nước thải đầu ra của các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Nước thải sản xuất: Tại điểm xả nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ

lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, trong đó lưu ý: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Đường trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm; tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND ngày.....tháng...năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: 02 tổ máy phát điện.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng tại khu vực nhà máy thủy điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực nhà máy thủy điện Nậm Đích 2

- Nguồn số 01: Tọa độ: X= 2464952, Y= 562005.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X= 2464958; Y= 562007.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103^0 , múi chiều 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không áp dụng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không áp dụng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết mau mòn.
- Lắp đặt tấm đệm cao su hoặc xốp cho các thiết bị để giảm chấn động do thiết bị gây nên. Kiểm tra cân bằng của máy khi lắp đặt thiết bị, kiểm tra độ ăn mòn chi tiết và thường kỳ bôi trơn dầu máy móc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND ngày.....tháng...năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng phát sinh chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên dự kiến:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	220
2	Dầu truyền nhiệt và cách điện gốc khoáng không có Clo	17 03 03	110
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải có bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	120
4	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện, điện tử thải	19 02 06	40
5	Pin/ắc quy chì thải	16 01 12	30
6	Thiết bị điện thải có bộ phận dính dầu (dây quấn MBA, giấy cách điện MBA, lõi thép MBA)	19 02 05	50
7	Cặn sơn, sơn, vecsni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 01	20
8	Dầu thải lẫn nước	13 05 06	350
9	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	20
10	Tấm lọc dầu	18 02 01	10
Tổng số lượng			970

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (chưa bao gồm các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được quản lý như đối với sản phẩm, hàng hóa):

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải sinh hoạt (phát sinh từ bể tự hoại)	12 06 13	200
Tổng cộng			200

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 8,4 kg/ngày.

1.4. Rác thải từ thượng nguồn trôi về hồ chứa: Khoảng 2.500 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy có nắp đậy, dán nhãn phân loại theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

+ Kho lưu giữ: Diện tích xây dựng 10m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho kín, tường xây, mái lợp tôn cách nhiệt, nền xi măng đảm bảo khô thoáng, có gờ tại cửa kho cao hơn mặt bằng sàn kho; có biển báo khu vực chứa chất thải nguy hại, thiết bị phòng cháy chữa cháy, trong kho bố trí xẻng và cát để xử lý trong trường hợp xảy ra sự cố.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không có.

2.2.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho lưu giữ riêng. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được định kỳ thuê đơn vị đủ năng lực hút và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác tại khu vực nhà quản lý vận hành và khu vực nhà máy đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai

Châu ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa riêng.

2.3.3. Hồ chôn lấp rác thải

- Vị trí: Vị trí cao, xa nguồn nước, có nền đất ổn định, cách nhà máy thủy điện Nậm Đích 2 khoảng 200m, cách suối Nậm Đích 15m và chênh cao so với mặt suối khoảng 5m.

- Diện tích hồ chôn lấp: 85m², kích thước: dài x rộng x sâu = 12m x 10m x 8,5m, xây dựng đảm bảo các quy định vệ sinh.

- Bể chứa nước rỉ rác: Dung tích 02m³, kích thước: dài x rộng x cao = 2m x 1m x 1m, bể có nắp đậy bê tông cốt thép, bố trí ống nhựa thoát khí. Vị trí: Cạnh hồ chôn lấp rác thải.

- Hóa chất sử dụng: Vôi bột, chế phẩm sinh học, dung dịch khử khuẩn.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ rác thải từ thượng nguồn trôi về hồ chứa

2.4.1. Thiết bị lưu chứa: Không có.

2.4.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa riêng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Theo dõi thường xuyên đập dâng, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành Nhà máy; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở dọc hai bờ suối Nậm Đích trong quá trình vận hành Nhà máy để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở gây ra.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số:...../GPMT-UBND ngày.....tháng...năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định. Thu gom, quản lý, xử lý rác, cành, rễ cây trôi từ thượng nguồn về hồ chứa đảm bảo quy định và vệ sinh môi trường.

2. Duy trì dòng chảy tối thiểu theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp và theo quy định tại Thông tư 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

3. Thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình vận hành.

4. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về an toàn đập, hồ chứa nước.

5. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện) đặt tại khu vực nhà máy thủy điện do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

6. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.